

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang

Bảng chữ cái

Thứ Tự	Chữ cái		Tên chữ cái	Đọc là	Thứ Tự	Chữ cái		Tên chữ cái	Đọc là
	thường	hoa				thường	hoa		
1	a	A	a	<i>a</i>	16	n	N	en-nờ	<i>nờ</i>
2	ă	Ă	á	<i>á</i>	17	o	O	o	<i>o</i>
3	â	Â	ớ	<i>ớ</i>	18	ô	Ô	ô	<i>ô</i>
4	b	B	bê	<i>bờ</i>	19	ơ	Ơ	ơ	<i>ơ</i>
5	c	C	xê	<i>cờ</i>	20	p	P	pê	<i>pờ</i>
6	d	D	dê	<i>dờ</i>	21	q	Q	cu	<i>quờ</i> (*)
7	đ	Đ	đê	<i>đờ</i>	22	r	R	e-rờ	<i>rờ</i>
8	e	E	e	<i>e</i>	23	s	S	ét-sì	<i>sờ</i>
9	ê	Ê	ê	<i>ê</i>	24	t	T	tê	<i>tờ</i>
10	g	G	giê	<i>gờ</i>	25	u	U	u	<i>u</i>
11	h	H	hát	<i>hờ</i>	26	ư	Ư	ư	<i>ư</i>
12	i	I	i ngắn	<i>i</i>	27	v	V	vê	<i>vờ</i>
13	k	K	ka	<i>ka</i>	28	x	X	ích-xì	<i>xờ</i>
14	l	L	e-lờ	<i>lờ</i>	29	y	Y	i dài	<i>i-gờ-rét</i> <i>/igrek/</i>
15	m	M	em-mờ	<i>mờ</i>					

(*) Trong tiếng Việt, chữ Q không bao giờ đứng riêng một mình mà luôn đi đôi với U thành phụ âm QU, vắn đọc là “quờ”

Bảng gọi tên các phụ âm kép

Chữ ghi âm	Đọc là	Chữ ghi âm	Đọc là	Chữ ghi âm	Đọc là
ch	<i>chờ</i>	ng	<i>ngờ</i>	qu	<i>quờ</i>
gh	<i>gờ/gờ-hát</i>	ngh	<i>ngờ/ngờ-hát</i>	th	<i>thờ</i>
gi	<i>gờ</i>	nh	<i>nhờ</i>	tr	<i>trờ</i>
kh	<i>khờ</i>	ph	<i>phờ</i>		

Ghi chú: Tên chữ cái được Việt hóa từ tiếng Pháp; các em không cần thiết phải biết trong giai đoạn đầu, và có thể thay thế bằng tên Mỹ [ây, bi, xi, đi...] mà các em quen dùng. Tuy nhiên khi đánh vắn các em phải dùng cách đọc Việt [bờ, cờ, dờ, đờ...], không thay thế âm Pháp hay Mỹ [thí dụ: KHÔNG được đánh vắn bi-ây-ba-huyền-bà, hay bê-ô-bô-sắc-bồ...]

Phụ Bản 1: Em học chữ cái tiếng Việt

23 chữ cái (Mẫu tự)

A	B	C	D	D	E	G	H
a	b	c	d	đ	e	g	h
I	K	L	M	N	O	P	Q
i	k	l	m	n	o	p	q
R	S	T	U	V	X	Y	
r	s	t	u	v	x	y	

3 Dấu chữ cái

Dấu mũ: ^ Dấu á: ˇ Dấu ơ / dấu móc: ´

Cách phát âm chữ cái có dấu (Mẫu âm)

a	ă	â	b	c	d	đ	e	ê	g
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>bờ</i>	<i>cờ</i>	<i>dờ</i>	<i>đờ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>gờ</i>
h	i	k	l	m	n	o	ô	ơ	p
<i>hờ</i>	<i>i</i>	<i>ca</i>	<i>lờ</i>	<i>mờ</i>	<i>nờ</i>	<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>pờ</i>
q(u)	r	s	t	u	ư	v	x	y	
<i>quờ</i>	<i>rờ</i>	<i>sờ</i>	<i>tờ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>vờ</i>	<i>xờ</i>	<i>i-gờ-rét</i>	

Phụ Bản 2: Nguyên âm & Phụ âm tiếng Việt

12 nguyên âm đơn & Cách phát âm

a	ă	â	e	ê	i
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
o	ô	ơ	u	ư	y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>y</i>

17 Phụ âm đơn & Cách phát âm

b	c	d	đ	g	h
<i>bờ</i>	<i>cờ</i>	<i>dờ</i>	<i>đờ</i>	<i>gờ</i>	<i>hờ</i>
k	l	m	n	p	q
<i>ca</i>	<i>lờ</i>	<i>mờ</i>	<i>nờ</i>	<i>pờ</i>	<i>quờ</i>
r	s	t	v	x	
<i>rờ</i>	<i>sờ</i>	<i>tờ</i>	<i>vờ</i>	<i>xờ</i>	

11 Phụ âm ghép & Cách phát âm

ch	gh	gi	kh	ng	ngh
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>	<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>
nh	ph	qu	th	tr	
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>	

Phụ Bản 3: Cách ráp vần tiếng Việt

Cách ráp vần sau đây được áp dụng tại Trung Tâm Văn Lang. Đây không phải là cách duy nhất để ráp vần tiếng Việt; tuy nhiên Trung Tâm Văn Lang đề nghị quý phụ huynh và thầy cô thống nhất cách tập các em đánh vần để tránh gây bối rối hay lầm lẫn cho các em.

Vần đơn âm: Đánh vần theo thứ tự như viết chữ và bỏ dấu giọng sau cùng.

Thí dụ: chữ “Mẹ” đánh vần “mờ-e-me-nặng-mẹ” và không cần thiết đánh vần là “e-nặng-ẹ, mờ-ẹ-mẹ”.

Vần ghép: Đánh vần theo thứ tự như viết chữ và bỏ dấu giọng sau cùng (giống như đánh vần đơn).

Nếu vần khó đọc, một vài lần đầu có thể tập các em ráp các nguyên âm (và phụ âm cuối chữ) trước. Tuy nhiên dấu giọng vẫn được bỏ sau cùng.

Thí dụ: chữ “Việt” đánh vần “Vờ-i-vi-ê-viê-tờ-việt-nặng-Việt” hoặc (trong một vài lần đầu) “i-ê-tờ-iết, vờ-iết-việt-nặng-Việt”.

Vần có phụ âm ghép: Đánh vần nguyên phụ âm ghép mà không ráp vần rời ra.

Thí dụ: chữ “không” đánh vần “khờ-ô-khờ-ngờ-không” và không đọc là “ca-hờ-ô-khờ-nờ-gờ-không”.

Trường hợp chữ Y: Chữ Y (còn có tên “i-dài”). Tuy nhiên để ráp vần và để phân biệt với chữ I (hay “i-ngắn”), Y sẽ được đánh vần là “i-gờ-rét” (Việt hóa của tiếng Pháp).

Thí dụ: chữ “máy” đánh vần “mờ-a-ma-i-gờ-rét-máy-sắc-máy” để phân biệt với chữ “mái” được đánh vần “mờ-a-ma-i-mai-sắc-mái”.

Phụ Bản 4: Thi “đánh vần” tiếng Việt

Thi ghép vần hay ghép chữ mà chúng ta quen gọi là “Thi đánh vần” dựa theo hình thức “Spelling Bee” của học sinh Mỹ. Phương pháp sau đây trích bài “Chữ Quốc ngữ - Những điểm căn bản” của Giáo sư Quyên Di, và đã được thông nhất với các trung tâm Việt ngữ miền Nam California và các nơi khác. Phụ huynh và thầy cô nên hướng dẫn học sinh và con em tập thi “đánh vần” theo phương pháp này để thống nhất cùng các trường khác và tránh các em bỡ ngỡ trong phòng thi.

THI “ĐÁNH VẦN”

Gọi sao cho đúng?

- Chính ra ráp các thành phần của chữ để đọc lên được chữ ấy, nên gọi là “ ráp vần ” hay “ đánh vần, ” Anh ngữ gọi là “sounding.”
- Nghe đọc lên một âm, cho biết âm ấy khi được viết xuống thì phải dùng những chữ cái và những thanh nào, nên gọi là “ghép chữ,” tiếng Anh là “spelling.”
- Thực tế, chúng ta quen gọi thi “ghép chữ” (cuộc thi tương tự như “spelling bee” của học sinh Mỹ) là thi “đánh vần.”
- Thi “đánh vần” (chính ra là “**ghép chữ**”) mô phỏng hình thức thi “spelling bee” nên cách “ghép chữ” cũng cần theo phương thức “spelling bee”: thí sinh “ghép chữ” bằng cách xướng tên các mẫu tự (letters) lên, từ mẫu tự đầu đến mẫu tự cuối của từ đó, nếu từ ấy có dấu thanh thì xướng tên dấu thanh sau cùng.
- **Hai điều cần phải lưu ý:**
 - Người điều khiển PHẢI phát âm thật rõ “từ” người ấy muốn thí sinh “ghép chữ.” Thí dụ : TRƯỜNG thì phải phát âm là TRƯỜNG, đừng phát âm là CHUÔNG.
 - Thầy/Cô giáo và phụ huynh PHẢI giúp các học sinh và con em học THUỘC TÊN và ĐỌC TÊN một cách chính xác các MẪU TỰ (CHỮ CÁI.)

(GS Quyên Di, “Chữ Quốc ngữ -- Những điểm căn bản”)

Thí dụ:

Thi đánh vần (ghép chữ) chữ TRƯỜNG, thí sinh phải xướng lên là “TÊ, E-RỜ, Ơ, O, EN-NỜ, GIÊ, (dấu) HUYỀN, TRƯỜNG.”

Lưu ý : Những phụ âm ghép CH, KH, TR, v.v. phải được **xướng tên từng chữ cái** : “XÊ, HÁT”, “KA, HÁT”, “TÊ, E-RỜ”, v.v. mà **không** xướng tên vần “CHỜ”, “KHỜ”, “TRỜ” ...

Trở lại trường hợp chữ Y: Trong các cuộc thi, xướng tên “I-Dài” hay “I-GỜ-RÉT” thường đều được ban giám khảo chấp nhận. Tuy nhiên, nếu chỉ xướng tên “I” là sai.